

Chương trình học tiếng Đức

Trình độ A1.2 — Dành cho trẻ em và thiếu niên

Giáo trình: Beste Freunde A1/2 (NXB Hueber)

Thông tin khóa học

Trình độ	A1.2 (nửa sau của trình độ A1)
Giáo trình	Beste Freunde A1/2 (NXB Hueber)
Đối tượng	Trẻ em và thiếu niên
Nội dung	9 bài học (Lektion 10–18) + 3 phần ôn tập và dự án
Số giờ học	60–90 giờ học cùng giáo viên
Hình thức	Học trực tuyến qua Zoom, hoặc học trực tiếp tại Đà Nẵng
Yêu cầu đầu vào	Đã hoàn thành A1.1 (Beste Freunde A1/1, Bài 1–9)
Kiểm tra & báo cáo	Kiểm tra nhỏ sau mỗi bài học; kiểm tra lớn sau mỗi 3 bài; kiểm tra cuối trình độ khi kết thúc khóa

Phương pháp giảng dạy

- Mọi buổi học đều do giáo viên bản ngữ tiếng Đức trực tiếp giảng dạy.
- Trọng tâm chính là kỹ năng nói. Học viên được nói trong mọi buổi học, ngay từ buổi đầu tiên.
- Ngữ pháp và từ vựng được dạy để phục vụ cho việc nói, chứ không thay thế việc nói.
- Học viên cũng được tìm hiểu về văn hóa và cuộc sống thường ngày ở Thụy Sĩ và Đức.

Cách đọc chương trình này

- Số giờ trong bảng là thời gian học cùng giáo viên. Bài tập về nhà, học từ vựng và ôn tập là phần thêm, thường chiếm thêm khoảng 30–50% thời gian.
- Học viên nhỏ tuổi cần lặp lại và luyện tập nhiều hơn người lớn, vì vậy số giờ ở đây cao hơn so với khóa A1 dành cho người lớn cùng trình độ.
- Số giờ được ghi theo khoảng vì tiến độ phụ thuộc vào độ tuổi, kinh nghiệm ngoại ngữ trước đó và mức độ chăm chỉ làm bài tập của mỗi học viên.

Học A1.2 mất bao lâu?

Vì mỗi học viên học số giờ khác nhau mỗi tuần, dưới đây là thời gian hoàn thành khóa học tương ứng:

Số giờ học mỗi tuần	Thời gian hoàn thành A1.2
2 giờ	khoảng 7–11 tháng
3 giờ	khoảng 5–7 tháng
4 giờ	khoảng 4–6 tháng
6 giờ	khoảng 2,5–4 tháng

Sự đều đặn quan trọng hơn tốc độ

Học ngoại ngữ là một quá trình dài, không phải một khóa học ngắn hạn. Điều quan trọng nhất không phải là học viên đăng ký bao nhiêu giờ, mà là mức độ đều đặn khi đến lớp và luyện tập. Một học viên học 2 giờ mỗi tuần nhưng không bỏ buổi nào sẽ tiến bộ nhanh hơn học viên học 6 giờ mỗi tuần rồi nghỉ cả tháng. Thời gian nêu trên được tính với điều kiện học viên đi học đều đặn và hoàn thành bài tập giữa các buổi học.

Bài kiểm tra và báo cáo học tập

- Kiểm tra nhỏ sau mỗi bài học — bài kiểm tra ngắn về từ vựng và ngữ pháp của bài đó, khoảng 15–20 phút.
- Kiểm tra lớn sau mỗi ba bài học — bài kiểm tra tổng hợp cho cả phần. Kết quả được gửi cho phụ huynh kèm theo báo cáo học tập bằng văn bản.
- Kiểm tra cuối trình độ — khi kết thúc A1.2, học viên làm bài kiểm tra nội bộ bao gồm cả bốn kỹ năng: nói, nghe, đọc và viết. Học viên cần đạt yêu cầu trước khi lên trình độ A2.1.
- Thời gian làm bài kiểm tra đã nằm trong số giờ học ghi ở bảng dưới đây. Trung tâm không tính thêm giờ cho bài kiểm tra và báo cáo.

Nội dung từng bài học

Phần 1 — Bài 10–12 (Nico)

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 10: Nico sammelt Schiffe. <i>Nico sưu tầm mô hình tàu thủy.</i> Chủ đề: Sở thích và việc sưu tầm 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	• Các đồ vật thường được sưu tầm • Sở thích • Địa điểm trong thành phố (1)	• Chia động từ sammeln và basteln • Chia động từ lesen, fernsehen, laufen, fahren, treffen và tanzen • Thẻ mệnh lệnh ở ngôi du • Giới từ in đi với cách 4 (Akkusativ)	• kể về sở thích của mình • bày tỏ điều mình thích hơn • yêu cầu ai đó làm việc gì • nói mình đang đi đâu
Bài 11: Mein Fuß tut weh! <i>Chân tôi bị đau!</i> Chủ đề: Cơ thể và sức khỏe 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	• Các bộ phận cơ thể • Bệnh tật và tình trạng mệt mỏi	• Đại từ nhân xưng ở cách 3 (Dativ): mir, dir • Thì quá khứ đơn (Präteritum) của haben và sein • Liên từ deshalb	• nói mình bị đau ở đâu • chúc ai đó mau khỏe • kể lại chuyện đã xảy ra hôm qua • đưa ra lý do cho một việc gì đó
Bài 12: Treffpunkt: Spiegelstraße 12 <i>Điểm hẹn: Spiegelstraße 12</i> Chủ đề: Hẹn gặp; đi lại và chỉ đường 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	• Địa chỉ và số điện thoại • Các phương tiện giao thông • Địa điểm trong thành phố (2) • Cách chỉ đường	• Giới từ mit đi với cách 3 (Dativ) • Giới từ zu đi với cách 3 (chỉ địa điểm) • Đại từ nhân xưng ở cách 4: mich, dich, ihn/es/sie	• gọi điện thoại cho ai đó • hỏi địa chỉ và số điện thoại của người khác • nói về phương tiện đi lại • nói mình làm việc gì đó bao lâu một lần • khen ngợi người khác
Ôn tập, Kiểm tra & Dự án 2–3 giờ	Văn hóa (Landeskunde): “Was sammelst du?” — thú sưu tầm. Dự án lớp học: “Wir machen eine Wochenstatistik.” (Chúng ta làm một bảng thống kê trong tuần.). Tổng kết ngữ pháp (Auf einen Blick) và ôn tập Bài 10–12. Bài kiểm tra lớn cho toàn bộ phần; kết quả và báo cáo học tập bằng văn bản được gửi cho phụ huynh.		

Phần 2 — Bài 13–15 (Kati)

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 13: Kati kommt nächsten Freitag. <i>Kati sẽ đến vào thứ Sáu tới.</i> Chủ đề: Du lịch và đi lại 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Du lịch, đi lại - Giờ giấc (cách nói trang trọng, 24 giờ) - Giới thiệu một nghề nghiệp	- Giới từ zu đi với cách 3 (chỉ người) - Tính từ nächst- - Giới từ nach và in với tên thành phố, quốc gia - Mạo từ sở hữu Ihr và Ihre	- nói mình đến thăm ai và đi đâu - nói về thời gian và ngày tháng - nói về việc đi tàu hỏa - xưng hô lịch sự với người lớn bằng hình thức Sie
Bài 14: Das T-Shirt gefällt mir! <i>Tôi thích chiếc áo phông này!</i> Chủ đề: Quần áo, quà tặng và hoạt động giải trí 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Quần áo - Quà tặng - Sự kiện và địa điểm tổ chức	- Động từ gefallen đi với cách 3 - Giới từ für đi với cách 4 - Cấu trúc es gibt đi với cách 4 - Đại từ bất định man - Giới từ in, an và auf đi với cách 3	- nói mình thích hoặc không thích điều gì - tặng quà và cảm ơn khi nhận quà - nói ở một nơi có những gì - nói một sự kiện diễn ra ở đâu
Bài 15: Das Konzert hat Spaß gemacht! <i>Buổi hòa nhạc thật vui!</i> Chủ đề: Trải nghiệm và kể chuyện đã qua 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Các hoạt động giải trí - Miêu tả một người	- Thì hiện tại hoàn thành (Perfekt) với haben - Phân từ hai (Partizip II) đuôi -(e)t: động từ có quy tắc, động từ có tiền tố be-, ver-, er-, động từ tận cùng -ieren và động từ tách - Động từ khuyết thiếu können (chỉ khả năng)	- kể lại một việc đã xảy ra - nói rằng mình chưa hiểu điều gì đó - miêu tả một người - nói về khả năng của mình và của người khác
Ôn tập, Kiểm tra & Dự án 2–3 giờ	Văn hóa (Landeskunde): “Das ist BERLIN!” — tìm hiểu về Berlin. Dự án lớp học: “Das ist unsere Stadt. Herzlich willkommen!” (Đây là thành phố của chúng tôi. Chào mừng bạn!). Tổng kết ngữ pháp (Auf einen Blick) và ôn tập Bài 13–15. Bài kiểm tra lớn cho toàn bộ phần; kết quả và báo cáo học tập bằng văn bản được gửi cho phụ huynh.		

Phần 3 — Bài 16–18 (Lukas)

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 16: Vor dem Essen schauen wir das Fahrrad an. <i>Trước bữa ăn, chúng ta xem chiếc xe đạp nhé.</i> Chủ đề: Nhà ở và sinh hoạt 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Giờ giấc (cách nói thân mật) - Các phòng trong nhà - Động vật và thú cưng	- Giới từ vor và nach đi với cách 3 - Giới từ in đi với cách 3 và cách 4 - Mạo từ jed-	- kể về ngôi nhà, căn hộ của mình - nói một việc diễn ra vào lúc nào - đề nghị ai đó làm việc gì - nói mình làm việc gì bao lâu một lần và trong bao lâu
Bài 17: Schöne Ferien! <i>Kỳ nghỉ vui vẻ!</i> Chủ đề: Kỳ nghỉ 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Hoạt động trong kỳ nghỉ - Các điểm đến du lịch - Địa điểm trong thiên nhiên	- Thì hiện tại hoàn thành (Perfekt) với sein - Phân từ hai đuôi -en: động từ bất quy tắc, động từ có tiền tố ver- và động từ tách - Giới từ in, an và auf đi với cách 3 và cách 4 - in với tháng và mùa trong năm - Động từ khuyết thiếu wollen	- kể về kỳ nghỉ của mình - kể lại những việc đã làm trong quá khứ - nói mình muốn làm gì

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 18: Lukas hat Geburtstag. <i>Hôm nay là sinh nhật Lukas.</i> Chủ đề: Sinh nhật và lễ hội 6–9 giờ <i>Kết thúc bằng bài kiểm tra nhỏ</i>	- Trường học - Sinh nhật - Các dịp lễ và tiệc mừng	- Mạo từ nghi vấn <i>welch-</i> - Số thứ tự và cách nói ngày tháng - Giới từ <i>bei</i> đi với cách 3 (chỉ người) - Thì hiện tại hoàn thành của <i>sein, bleiben</i> và <i>passieren</i>	- nói về trường học - nói về cảm xúc của mình - nhận xét mình có thích điều gì đó hay không - mời ai đó - gửi lời chúc và đáp lại lời chúc
Ôn tập, Kiểm tra & Dự án 2–3 giờ	Văn hóa (Landeskunde): “Klassenfahrt nach Österreich” — chuyến đi của lớp tới nước Áo. Dự án lớp học: “Wir planen eine Reise in die Schweiz!” (Chúng ta lên kế hoạch một chuyến đi Thụy Sĩ!). Tổng kết ngữ pháp (Auf einen Blick) và ôn tập Bài 16–18. Bài kiểm tra lớn cho toàn bộ phần; kết quả và báo cáo học tập bằng văn bản được gửi cho phụ huynh.		

Sau khi hoàn thành A1.2, học viên có thể

- Nói chi tiết hơn về sở thích, thời gian rảnh và những điều mình thích hơn
- Nói về tình trạng sức khỏe, gọi tên các bộ phận cơ thể và nói mình bị đau ở đâu
- Hỏi và chỉ đường, nói về phương tiện đi lại và hẹn gặp
- Nói về việc đi lại, đi tàu hỏa và kỳ nghỉ
- Nói về quần áo, quà tặng, sự kiện và bày tỏ sở thích
- Kể lại những việc đã xảy ra bằng thì hiện tại hoàn thành (Perfekt)
- Miêu tả ngôi nhà, thú cưng và lịch sinh hoạt hằng ngày của mình
- Nói về trường học, sinh nhật, lễ hội và cảm xúc
- Xưng hô lịch sự với người lớn bằng hình thức *Sie*

Về kỳ thi chứng chỉ và việc lên trình độ A2

- Sau khi hoàn thành A1.2, học viên đã học hết toàn bộ trình độ A1. Kỳ thi tương ứng là Goethe-Zertifikat A1: Fit in Deutsch 1, được thiết kế riêng cho học viên nhỏ tuổi.
- Trước khi lên trình độ A2.1, học viên làm bài kiểm tra nội bộ cuối trình độ gồm bốn kỹ năng nói, nghe, đọc và viết.
- Khóa luyện thi là khóa học riêng, không bao gồm trong số giờ nêu trên.